TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/4/2023
V/v tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Ngọc Liêm;

2. Ông Nguyễn Thanh Liêm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023, về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1993; địa chỉ: số 155, tổ 11, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt);

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1989; địa chỉ: số 203, ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày: Vợ chồng tự tìm hiểu đi đến kết hôn năm 2009, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chồng thường uống rượu bia đôi lúc đánh bà

B nên vợ chồng thường xuyên cự cãi và không còn sống chung từ năm 2021 cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn bàyêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T; Về quan hệ con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 14/3/2011 và Nguyễn Thị Cẩm T2, sinh ngày 07/5/2017, hiện 02 con chung đang sống chung với ông T. Khi ly hôn bà B đồng ý để ông T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên Tòa, Nguyên đơn bà Trần Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị B yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T, ông T có nơi cư trú ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là có căn cứ.

[3] Bà Trần Thị B yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T. Bà B và ông T có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo bà B trình bày, nguyên nhân do chồng thường uống rượu bia đôi lúc đánh bà B nên vợ chồng thường xuyên cự cãi và không còn sống chung từ năm 2021 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà B yêu cầu ly hôn và triệu tập ông T tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông T vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà B. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà B và ông T đã diễn ra trong thời gian dài, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của của bà B là phù hợp.

[4] Về quan hệ con chung: Bà B xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 14/3/2011 và Nguyễn Thị Cẩm

T2, sinh ngày 07/5/2017. Hiện con chung đang sống với ông T. Khi ly hôn bà B đồng ý để ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, con chung do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và trong quá trình giải quyết ông T cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của bà B. Mặt khác, cháu T1 có nguyện vọng được sống với cha. Do đó, để ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp với pháp luật và nguyện vọng con chung.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông T không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về quan hệ nợ chung: Bà B trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B đối với ông Nguyễn Ngọc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 276, ngày 12 tháng 8 năm 2013, do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Trần Thị B và ông Nguyễn Ngọc T không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: ông Nguyễn Ngọc T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 14/3/2011 và Nguyễn Thị Cẩm T2, sinh ngày 07/5/2017. Bà Trần Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Ngọc T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Trần Thị B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc Trần Thị B xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà Trần Thị B và ông Nguyễn Ngọc T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, bà Trần Thị B phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, theo biên lai thu số 0013298 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 23 tháng 02 năm 2023. Bà Trần Thị B đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo T từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư